

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

*Yêu cầu về kỹ thuật mang tính kỹ thuật thuần túy và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.*

*Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng.*

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

#### **1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu:**

- Dự toán mua sắm: Mua bảo hiểm xe ô tô năm 2026 của Văn phòng Chính phủ.
- Gói thầu: Mua bảo hiểm xe ô tô năm 2026 của Văn phòng Chính phủ.
- Chủ đầu tư : Cục Quản trị - Tài vụ, Văn phòng Chính phủ.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 365 ngày;.

#### **2. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu:**

<b>1</b>	<b>Yêu cầu bảo hiểm</b>
1.1	Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới
	Tuân thủ theo 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 của Chính phủ: Quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới; bảo hiểm cháy nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng Mức trách nhiệm bảo hiểm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mức trách nhiệm bảo hiểm đối với thiệt hại về sức khỏe, tính mạng do xe cơ giới gây ra: 150 triệu đồng/người/vụ</li> <li>- Mức trách nhiệm đối với thiệt hại về tài sản: 100 triệu đồng/vụ</li> </ul>
1.2	Bảo hiểm tai nạn cho lái xe và người ngồi trên xe:
	Nhà thầu phải có bản cam kết bồi thường những thiệt hại thân thể đối với lái xe và những người được chở trên xe, những người này bị tai nạn khi đang ở trên xe, lên xuống xe trong quá trình xe đang tham gia giao thông. Mức bảo hiểm 100.000.000 đồng/người/vụ.
1.3	Bảo hiểm vật chất xe ô tô:
	1. Phạm vi bảo hiểm: Bảo hiểm những tai nạn bất ngờ, ngoài sự kiểm soát của chủ xe, lái xe trong những trường hợp đâm va, lật, đổ, lệch trọng tâm, chìm, rơi toàn bộ xe; bị các vật thể khác từ bên ngoài rơi, va chạm vào; Hỏa hoạn, cháy, nổ; Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra; Mất toàn bộ xe do trộm, cướp; 2. Nội dung các quyền lợi bảo hiểm bổ sung gồm: a/ Bảo hiểm không khấu trừ thay mới, mới thay cũ. Mở rộng phạm vi bảo hiểm: bồi thường chi phí thay thế mới theo chi phí thực tế và không áp dụng trừ khấu hao vật tư, phụ tùng thay thế mới; b/ Bảo hiểm sửa chữa tại gara tự chọn, chính hãng. Mở rộng phạm vi bảo hiểm bồi thường chi phí thực tế cho xe ô tô bị thiệt hại vật chất được sửa chữa tại Xưởng (garage) chính hãng (sửa chữa tại garage được ủy quyền của hãng sản xuất).

	<p>c/ Bảo hiểm mất trộm, cắp bộ phận: Mở rộng phạm vi bảo hiểm mất trộm, mất cắp bộ phận xe: Bồi thường cho Người được bảo hiểm những thiệt hại bộ phận gắn liền với xe theo thiết kế của nhà sản xuất (không bao gồm chìa khóa xe, remote điều khiển) do bị mất cắp, mất cướp. Giới hạn số lần mất cắp, mất cướp không vượt quá 02 vụ đối với các Hợp đồng bảo hiểm có thời hạn 12 tháng - Mức khấu trừ áp dụng riêng cho điều khoản mất cắp bộ phận là 20% số tiền bồi thường và không thấp hơn 2.000.000 đồng/vụ.</p> <p>d/ Bảo hiểm xe ngập nước, thủy kích. Mở rộng nhận bảo hiểm trong trường hợp xe ô tô bị thiệt hại động cơ hoặc hư hỏng về điện do ngập nước sẽ được bồi thường; - Mức khấu trừ/vụ áp dụng riêng cho điều khoản ngập nước 10% số tiền bồi thường và không thấp hơn 3.000.000 đồng.</p> <p>e/ Mức khấu trừ 500.000 đ/vụ.</p> <p>d/ Cứu hộ miễn phí: - Trong trường hợp xe bị tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm: Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất tối đa không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm của xe đó.</p>
<b>2</b>	<b>Thời gian bảo hiểm</b> 12 tháng (số lượng xe thực tế sẽ được thông báo theo từng đợt)
<b>3</b>	<b>Các yêu cầu khác</b>
3.1	Cam kết phạm vi bảo hiểm trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam, cứu trợ miễn phí trong phạm vi 70km tính từ nơi xảy ra tai nạn đến nơi sửa chữa. Trường hợp trên 70km hai bên cùng bàn bạc thống nhất cách giải quyết.
3.2	Cam kết có bộ phận trực cứu hộ giải quyết tai nạn 24/24 giờ và chi trả bồi thường (có tài liệu chứng minh) tại tất cả các tỉnh thành. Có số điện thoại thường trực để nhận các cuộc gọi 24/24 giờ hỗ trợ sự cố, cung cấp danh sách số điện thoại thường trực còn hiệu lực.
3.3	Cam kết cử giám định viên hoặc đại lý được ủy quyền của Nhà thầu đến hiện trường tiến hành giám định trong vòng 01 giờ (tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và 08 giờ (tại các tỉnh) kể từ khi nhận được thông báo của Người được bảo hiểm (chủ đầu tư);
3.4	Thời hạn thanh toán bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm là 10 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ bồi thường thuộc trách nhiệm của chủ xe cơ giới.
3.5	Nhà thầu cam kết hỗ trợ các bên liên quan trong việc thực hiện các thủ tục, giấy tờ cần thiết trong khiếu nại, bồi thường bảo hiểm.
3.6	Có quy trình phối hợp khi xảy ra sự cố giữa các bên liên quan.
3.7	Có cam kết không yêu cầu cung cấp hồ sơ công an trong mọi trường hợp trừ trường hợp xảy ra chết người.

**Danh mục:**

Stt	Đặc điểm xe				Giá trị bảo hiểm	Bảo hiểm TNDS		Bảo hiểm người ngồi trên xe	Bảo hiểm vật chất xe		TỔNG CỘNG
	Nhãn hiệu xe	Biển kiểm soát	Số chỗ ngồi	Ngày tháng Năm, ĐK và SD		Phí Bảo hiểm	Thuế		Phí bảo hiểm	Thuế	
1	Toyota Camry 2.4	80B-6175	5	12/8/2009	360.000.000						
2	Toyota Camry 2.4	80A-00715	5	12/14/2011	380.000.000						
3	Toyota Camry 2.4	80A-00716	5	12/14/2011	380.000.000						
4	Toyota Camry 2.4	80A-00719	5	12/14/2011	380.000.000						
5	Toyota Camry 2.4	80A-00725	5	12/14/2011	380.000.000						
6	Toyota Camry 2.4	80B-8568	5	6/29/2011	380.000.000						
7	Toyota Camry 2.4	80A-01567	5	9/7/2021	509.912.500						
8	Toyota Camry 2.4G	80A00287	5	2011	380.000.000						
9	Toyota Landcruiser	80A-01809	8	1/15/2013	1.749.045.000						
10	Toyota Fortuner	80A-01205	7	1/9/2013	452.000.000						

11	Toyota Landcruiser	80A-09090	8	3/13/2015	1.911.495.000						
12	Honda CRV 2.4	80A-01287	5	2/2/2013	369.122.500						
13	Honda CRV 2.4	80A-01197	5	2/2/2013	369.122.500						
14	Honda CRV 2.4	80A-01297	5	2/2/2013	369.122.500						
15	Toyota Corolla	80A-01295	5	1/9/2013	372.732.500						
16	Toyota Corolla	80A-01256	5	1/14/2013	372.732.500						
17	Toyota Corolla	80A-01167	5	1/9/2013	372.732.500						
18	Toyota Corolla	80A-01248	5	1/9/2013	372.732.500						
19	Toyota Corolla	80A-01277	5	1/9/2013	372.732.500						
20	Toyota Corolla	80A-01330	5	2/27/2013	391.685.000						
21	Toyota Corolla	80A-01312	5	12/27/2013	391.685.000						
22	Toyota Hiace	80A-01770	16	12/11/2013	392.587.500						
23	Nissan X- Train	80A-02109	5	2/25/2013	593.845.000						
24	Lancruiser Prado	80A-02282	7	2/25/2013	939.502.500						
25	Lancruiser Prado	80A-02394	7	11/14/2012	870.010.000						
26	Lancruiser Prado	80A-02526	7	1/7/2013	870.010.000						
27	Lancruiser Prado	80A-02385	7	12/4/2012	870.010.000						
28	Lancruiser Prado	80A-02734	7	10/24/2012	870.010.000						
29	Huyn dai (Xe tải < 3 tấn)	80A-02464	3	11/16/2015	185.012.500						
30	Toyota Haice	80A-03536	16	6/21/2017	450.000.000						
31	Toyota Haice	80A-03507	16	6/21/2017	450.000.000						
32	Toyota Camry 2,0	80A-01677	5	5/24/2013	350.000.000						
33	Toyota Fortuner	80A-01343	7	3/18/2013	452.000.000						

34	Toyota Camry 2,0	80A-03139	5	8/24/2016	430.000.000						
35	TRACOMECO HUYNDAI	80A-05613	29	3/2/2021	1.072.170.000						
36	Toyota Landcruiser (300 SERIER)	80A-01558	7	10/5/2021	3.792.305.000						
37	Toyota Landcruiser (300 SERIER)	80A-55689	7	9/29/2021	3.792.305.000						
38	Toyota Landcruiser (300 SERIER)	80A-66699	7	5/1/2023	3.700.250.000						
39	Ford Explore 2,3	80A-39669	7	5/1/2023	2.165.097.500						
40	Toyota Landcruiser (300 SERIER)	80A-59669	7	7/31/2023	3.868.115.000						
41	Toyota Landcruiser (300 SERIER)	80A-69669	7	1/10/2024	3.975.455.500						
42	Lancruiser	80A65838	7	7/1/2023	3.968.150.000						
43	Toyota Landcruiser	80B-9189	7	2015	2.000.000.000						
44	Toyota Landcruiser (300 SERIER)	Dự kiến mua 2025	7	2025	4.580.000.000						

45	Toyota Landcruiser (300 SERIER)	Dự kiến mua 2025	7	2025	4.580.000.000						
46	Toyota Camry	Dự kiến mua 2025	5	2025	1.400.000.000						
47	Toyota Camry	Dự kiến mua 2025	5	2025	1.400.000.000						
48	Toyota Camry	Dự kiến mua 2025	5	2025	1.400.000.000						
49	Toyota Camry	Dự kiến mua 2025	5	2025	1.400.000.000						
50	Toyota Camry	Dự kiến mua 2025	5	2025	1.400.000.000						
51	Xe ô tô 7 chỗ	Dự kiến mua 2025	7	2025	1.100.000.000						
52	Xe ô tô 7 chỗ	Dự kiến mua 2025	7	2025	1.100.000.000						
53	Xe ô tô 7 chỗ	Dự kiến mua 2025	7	2025	1.395.000.000						
54	Xe ô tô fortuner	80A-06634	7	2025	1.395.000.000						
55	Toyota Camry	80A15699	5	2013	350.000.000						

#### **4. Giải pháp và phương pháp luận.**

##### **4.1. Giải pháp và phương pháp luận;**

- Mục đích của gói thầu;
- Cách tiếp cận và phương pháp luận;
- Kế hoạch triển khai;

- Bố trí nhân sự.

#### **4.2. Kế hoạch thực hiện gói thầu.**

- Quy trình phối hợp giải quyết khi có sự cố xảy ra;
- Phương thức, thủ tục, thời hạn giải quyết bồi thường;
- Mức khấu trừ bảo hiểm;
- Quy trình thực hiện giám định khi có tổn thất xảy ra;
- Đề xuất các điều khoản bổ sung và mức trách nhiệm.